

Bản án số: 109/2018/KDTM- ST

Ngày 30/11/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Nhã - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2018/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 454/2018/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH M; địa chỉ trụ sở: Công ty Cổ phần A, địa chỉ: Tổ 2, Khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Công Thoại V - Chức vụ: Nhân viên; địa chỉ: 9D/81, Khu phố 2, đường Hi, thành phố B, tỉnh N; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 28/5/2018); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH P (tên cũ: Công ty TNHH Đ); địa chỉ trụ sở: Số 815/4/3/8A đường H, Khu phố 8, phường A, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trương Thế Huy - Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: 1024/10 đường Tinh Lộ 10, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2018, các bản tự khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Ông Lê Công Thoại Vy trình bày:

Ngày 18/9/2015, Công ty TNHH M (gọi tắt là Công ty TNHH M) và Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 001/HĐNT/MCP-KĐ (tại thời điểm ký hợp đồng Công ty TNHH P có tên gọi là Công ty TNHH Đ). Theo nội dung hợp đồng thì Công ty TNHH M bán hàng hóa là các loại giấy cho Công ty P; thời hạn thanh toán trong vòng 40 ngày sau khi nhận hàng và hóa đơn tài chính bằng hình thức chuyển khoản.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã giao các loại giấy cho Công ty P. Đến ngày 24/5/2016, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ để xác nhận số tiền Công ty P còn nợ tính đến ngày 23/5/2016 là 96.309.321 đồng. Ngày 20/9/2016, Công ty P đã trả được số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 05/11/2016, Công ty P có văn bản gia hạn thanh toán nợ và yêu cầu được trả nợ làm nhiều đợt, hạn cuối trả hết nợ vào ngày 27/02/2017, Công ty TNHH M đã đồng ý với văn bản gia hạn nợ trên. Đến ngày 29/11/2016, Công ty P tiếp tục trả được số tiền 10.000.000 đồng. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ, Công ty P không thực hiện đúng như cam kết.

Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm Công ty P còn nợ Công ty TNHH M số tiền mua hàng là 76.309.321 đồng. Công ty TNHH M đã nhiều lần liên hệ đòi nợ nhưng không có kết quả.

Công ty TNHH M yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là 76.309.321 đồng, khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bị đơn không đến do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên Tòa:

Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng và đảm bảo thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TNHH M khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” với Công ty P. Bị đơn có trụ sở tại địa chỉ Số 815/4/3/8A đường H, Khu phố 8, phường A, quận B, Thành phố H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt

Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 12/11/2018 và 08 giờ 30 phút ngày 30/11/2018, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để thông báo về thời gian và địa điểm xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Ngày 11/10/2018, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số 001/HĐNT/MCP-KĐ ngày 18/9/2015, Công ty TNHH M bán hàng hóa là các loại giấy cho Công ty P. Thời hạn thanh toán trong vòng 40 ngày sau khi nhận hàng và hóa đơn tài chính bằng hình thức chuyển khoản 100% giá trị lô hàng qua tài khoản ngân hàng của Công ty TNHH M. Đây là giao kết dân sự trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận nên có hiệu lực thi hành.

Căn cứ vào Bảng đối chiếu công nợ ngày 24/5/2016; Thông báo gia hạn thanh toán ngày 05/11/2016; các chứng từ thanh toán ngày 20/9/2016, 29/11/2016; lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có cơ sở để xác định Công ty P còn nợ Công ty TNHH M số tiền mua hàng là 76.309.321đ (bảy mươi sáu triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, ba trăm hai mươi một đồng).

Công ty TNHH M cho rằng Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng nguyên tắc số 001/HĐNT/MCP-KĐ ngày 18/9/2015. Do đó, yêu cầu Công ty P thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần hết số tiền còn nợ trên, khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ....thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được....để giải quyết vụ án.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.*”

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, trong đó các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về kết

quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền nêu trên cho nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 24; khoản 1, 2 Điều 50 của Luật Thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 76.309.321đ (bảy mươi sáu triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, ba trăm hai mươi một đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6- Về án phí dân sự sơ thẩm :

Yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu đồng).

Công ty TNHH P phải chi án phí dân sự sơ thẩm là 3.815.466đ (ba triệu, tám trăm mười lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự ;

Căn cứ vào Điều 24; khoản 1, 2 Điều 50; Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH M về việc yêu cầu Công ty TNHH P trả nợ.

2. Buộc Công ty TNHH P có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH M số tiền 76.309.321đ (bảy mươi sáu triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, ba trăm hai mươi một đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH P phải chi án phí dân sự sơ thẩm là 3.815.466đ (ba triệu, tám trăm mười lăm nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Trả lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0029742 ngày 13/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Em